TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sóng Thành

Ông Nguyễn Thành Lam

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Đinh Thị Kim D**, sinh năm 1985.

HKTT: Số B, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Số A, ấp V, xã G, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T và chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 01 (Một) năm thì tiến tới kết hôn. Được UBND xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2012. Đây là hôn nhân lần đầu của anh T.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại nhà anh T ở ấp P, xã G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ 2016, nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thậm chí còn xúc phạm nhau. Mặt khác, sống chung với nhau thời gian dài nhưng chị D lạnh nhạt với anh. Nhiều lần anh T ốm đau phải điều trị ở bệnh viện nhưng chị D không quan tâm, hỏi han và không đến bệnh viện thăm nuôi anh. Lần thứ nhất anh T mổ sỏi thận tại Bênh viện Đa khoa Thống N phải nằm viện hai tuần nhưng chị D cũng không tới bệnh viện thăm hỏi anh, bố ruột phải chăm nuôi anh. Cách đây mấy năm anh T tiếp tục nằm viện lần thứ hai chị D vẫn không hỏi han tôi mặc dù giữa hai vợ chồng thời điểm đó không có bất cứ mâu thuẫn gì. Dần dần anh T có cảm giác cô độc khi không nhận được sự quan tâm của vợ nên vợ chồng ngày càng xa cách. Đầu năm 2019 mẹ ruột anh T bị bệnh nặng phải nằm viện, chị D tiếp tục không hỏi han động viên mà có những lời nói nặng nhẹ, khi nóng giận anh T có đuổi chị D ra khỏi nhà. Cũng từ tháng 7/2019 đến nay chị D bỏ về nhà bố mẹ ruột tại ấp V, xã G để sinh sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh T cũng nhiều lần liên hệ chị D mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị D cương quyết không về. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Đinh Thị Kim D.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung gồm cháu Nguyễn Thị Thái T1, sinh ngày 02/4/2013; Nguyễn Thiên Thành N1, sinh ngày 03/02/2016; Nguyễn Như N2, sinh ngày 26/02/2018. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N2 và đồng ý giao cháu T1 và cháu N1 cho chị D nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tôi làm thợ xây thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng/tháng). Cháu N2 đang sống cùng tôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Đinh Thị Kim D vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đinh Thị Kim D.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thái T1 và Nguyễn Thiên Thành N1 cho chị Đinh Thị Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Như N2 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn chị Đinh Thị Kim D hiện đang cư trú tại số A, ấp V, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Kim D tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã G, tỉnh Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2012 nên căn cứ theo Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình. Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là có căn cứ phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức Hòa giải để giúp anh T và chị D có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng chị D đều vắng mặt, cả chị D và anh T đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị D đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Kim D chung sống có 03 (ba) con chung gồm cháu Nguyễn Thị Thái T1, sinh ngày 02/4/2013; Nguyễn Thiên Thành N1, sinh ngày 03/02/2016 và Nguyễn Như N2, sinh ngày 26/02/2018.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung, nhận thấy: Hiện tại cháu Nguyễn Như N2 đang sống chung với anh T, anh T làm nghề thợ xây thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra cháu N2 cũng có nguyện vọng được sống cùng với bố để ổn định việc học tập. Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thái T1 và cháu Nguyễn Thiên Thành N1 là được sống cùng chị D để ổn định cuộc sống nên cần chấp nhận.

Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thái T1 và Nguyễn Thiên Thành N1 cho chị Đinh Thị Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Như N2 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Kim D được ly hôn.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Thái T1, sinh ngày 02/4/2013; Nguyễn Thiên Thành N1, sinh ngày 03/02/2016 cho chị Đinh Thị Kim D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Như N2, sinh ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Kim D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003044 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai
(Phòng THADS khu vực 4 – Đồng Nai);
- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất;
(Nay là xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai)
(GCNKH số 52 ngày 12/4/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Lan